

179	NGUYỄN. ĐI. MICH	1952 gia đình	72/318709	B I	Thư ký	B.T. 2 CSQA	3 ngày	17.1.88	14.5.88	1A5	00003		
180	NGUYỄN. VÂN. MƯỜI	21.4.1953 Long An	73/60588	B II	Nhân viên	SĐ. 3 CA	3 ngày	16.4.88	13.6.88	8B9	1646		1V + 5cm
181	BUI. BẮC. UAM	29.9.1956 gia đình	76/123236	B II		Đ.B.3. TĐ 57 LB BDA	3 ngày	21.4.88	17.6.88	9G8	1885	X	1V + 1cm + 1cm
182	NGUYỄN. HOÀNG. UAM	17.1.50 Sài Gòn	70/127863	Thiếu mỹ	TB 4, cộng binh	TĐ 102 cộng binh chính đầu 35	5 năm	30.6.88	3.7.88	8J3	009021	X	1.00m Thoi 3 cm V
183	ĐĂNG. ĐÌNH. UAM	10.11.1950 Binh định	70/408186	T.S F	Đầu Trắc Việt An tại	TĐ 660 KTTT đầu đin	45 ngày	19.1.88	25.5.88	1L9	611		
184	MAI UAM	1943 gia đình	65/702672	Thượng sĩ	Hà m' quan Tiểu Uân	H.A. công Xếp	3 ngày	15.1.88	25.5.88	1C10		X	GAT 1192/CM
185	ĐHAM. HỮU. UGƯA	14.11.1950	70/152937	Thiếu mỹ	Sĩ quan TY	TĐ. 7 AV:	2 năm 6 thg	19.2.88	10.5.88	2B9	791		1V + 1cm.
186	TRẦN. UGHIA	1957 Đà Lạt	71/111807	B II		Đ.B. 4 TĐ. 4 SĐ.TA.C	1 năm	9.8.88	1.9.88	7L8			
187	TRƯỜNG. TƯỜNG. UGHIEP	1948 Hải quân				Nhất báo AH Sài Gòn	2 năm	31.1.88	25.5.88	1J3	501		
188	LÝ. VÂN. UHAI	1939	58/161968	T.S	H.S.A QTHSM	Thiếu CM KBC 4730	15 ngày	25.3.88	19.5.88	2B5	627		V + 6cm.
189	TRẦN. THỊ. UHAI	2.6.1952 Đà Nẵng		NV	Cashier	Central. Train ning INSTITUTE USARV ĐOV 96491	1 thg	21.2.88	16.4.88	8C6	1678	X	
190	TRẦN. VÂN. UHAI	1953 Hải Hưng	73/140791	Thiếu mỹ	T.Đ. Thủy	T.Đ. 3 T.Đ. 441 S.Đ. 33 BB	3 năm	30.1.88	1.6.88	7B1	1084	X	GXT. 2980 AD 25.3.78
191	HỒ. TÂM. UHO	1954	74/160202	B II	Đầu bình	Đầu phương A	3 ngày	6.2.88	19.5.88	2D3	820		
192	ĐÀO. VÂN. UHON	2.3.1964 nguyên binh		Tu Sĩ Đầu gốc				11.5.88	19.5.88	2E4			
193	LÊ. CÔNG. UGU	10.12.1954	74/602674	Thiếu mỹ	Đầu công thực thực	ID 243.OT	4 năm	4.2.88	19.5.88	2F5	948		
194	LÊ. THÁNH. UGOC	1945 Đà Lạt	65/147889	Đại mỹ	Thượng ban Chỉ huy Thuyền Lữ	B3 CHC.K bình an KBC 6722	8 tháng	8.8.88	1.9.88	7K2			V + 2cm
195	TRẦN. HỮU. UGOC	1956 Huế	DS 179	SVSQ CS	K.A. sinh	MCC Việt CSQA	3 năm 2 thg	27.2.88	13.6.88	8F5	1766	X	1cm

196	LÊ THIÊN NGỌ	21.3.1935		CT/TĐVN CN/ĐB	BQ. UỶN TĐ	10 năm	19.1.88	12.5.88	1B ₁₁	133		0.01 0.01 0.01 0.01 U: 062461 1 cm
197	NGUYỄN THỊ. VỊNHƯNG	1931, Hải Phòng		Trưởng Đ.Đ.Đ. 62. Hạng	Ty. Thương Tín Châu Hải	6 năm	8.8.88	19.88	7L8		X	
198	TRẦN. DUY. VINH	1950 Huế	70/211250	Trung ủy	S.G.A.N. Cục ANQĐ	5 năm 6 tháng	21.1.88	1.6.88	7F7	1358		1cm nước 3 cm } Fanat
199	NGUYỄN. MINH VINH	25.5.1952 Sông Mỹ	74/143708	chủ ủy	T.Đ. Trung T.Đ. 25 TK Đ. BQ	5 ngày	22.1.88	25.5.88	1H ₁₀	525		
200	PHẠM. VĂN. VUỘI	14.8.45 Hải Phòng	65/502107	Đai ủy	T.Đ. Trung T.Đ. 1 Đ.Đ. 21 Đ.Đ. 21 BQ	7 năm	15.4.88	17.6.88	8H4	1922	X	
201	TRẦN. THỊ. VĨNH	2.10.1952			Phụ tá Đ.Đ. Đ. H. V.H	4 ngày	22.1.88	26.5.88	1B2	1806		
202	PHẠM. CÔNG. VĨNH	1957 Ninh Bình	71/607232	Hạng	Chuyên viên Vũ khí	3 ngày	29.1.88	1.6.88	7G ₁	1125		1V + 1cm
203	VŨ. VĂN. Ô	1947 Huế	67/602168	Đai ủy	Đ.Đ. Đ.Đ.Đ. Đ.Đ. 1 KQ	8 năm 8 tháng	6.1.88	14.5.88	1A ₁₀	80005		0.01 143 KBC 6265 1.00 0.01 1378 0.01 1.88
204	NGUYỄN. VĂN. ƠN	1946	66/152360	Trung ủy	Trưởng ban KSBT/PTL	5 năm 8 tháng	21.1.88	1.6.88	7C5	1232	X	
205	VŨ. NGỌC OÁNH	1937 NAM HƯNG	57/170900	Trung ủy	H.S.G. Đ.Đ.Đ.	3 ngày	20.1.88	1.6.88	7A2	1143	X	1V + 1chất - 5cm Fanat
206	NGUYỄN. HỮU. PHÁT	4.5.1952 Sông Mỹ	74/102568	Đ.Đ.	Đ.Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	3 ngày	16.4.88	3.6.88	8F3	1865	X	
207	LÊ. ĐÌNH. PHÁT	1937	57/180903	Sinh viên SQ	Đ.Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	3 ngày	22.1.88	1.6.88	7A2	1104	X	IV. 058952 2cm 1cm 0° Fanat
208	NGUYỄN. VĂN. PHẠM	8.7.1934 Sông Mỹ		Đ.Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	Đ.Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	11 ngày	8.8.88	2.9.88	7J5			
209	TRẦN. QUỐC. PHONG	1948 Đ.Đ.Đ.		Đ.Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	T.Đ. 6 PT TK Đ.Đ.	7 ngày	4.7.88	21.7.88	8L7		X	1V + 6 cm.
210	PHẠM. BÁ. PHONG	30-7-42	62/203408	Đ.Đ.	Đ.Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	7 ngày	4.2.88	19.5.88	2H8	1012		
211	TRƯƠNG. HỮU. PHƯỚC	22.9.47	67/804214	Trung ủy	SQ/Đ.Đ. Đ.Đ.Đ.	3 ngày	9.2.88	19.5.88	2B9	806	X	1cm
212	LÊ. TÂN. PHƯỚC	1951 Thị trấn	71/408659	Trung ủy	BCK Đ.Đ. T.K. Đ.Đ.Đ.	6 tháng	16.1.88	14.5.88	1D ₁₁	234	X	

213	HOÀNG ĐỨC. PHƯƠNG	1949 Sinh ngày	69/600917	Trung ủy	Hà Tĩnh C47	Đội an kh 33/OT SĐ: 5	5 năm 7 thg	21.1.88	1.6.88	7C ₁	1212	X	GR. 2.7.1980 2 em
214	DƯƠNG THỊ MINH. PHƯƠNG	1952 Đường bình			giáo sư	T.H. Vũng Tm	1 thg	29.1.88	1.6.88	7B ₂	1107	X	2 em
215	ĐUẬN. VĂN. ĐỨC	20.5.1945 Hàm đình	60/137580	Dược sĩ Đức Mỹ	Trường U.H.M	Bệnh viện 4 Đe ĐĐ	2 năm 6 thg	15.1.88	25.5.88	1E ₂	216		GR. 179 QG5/16 V
216	VŨ. ĐĂNG. ĐỨC	6.11.1957 Hà Nội	71/607808	chuyên ủy	B.T. L D. Q	ĐVAT không quân	3 ngày	19.1.88	28.5.88	1G ₂	37	X	
217	HUI. HO. ĐÌNH	1948	68/136418	Trung sĩ	Hàng không Hải quân	Đội pháo binh SĐ. 9 BB	3 ngày	21.1.88	1.6.88	7E ₃	1068	X	
218	THÁI. DUY. ĐÌNH	1921 Khuất Hòa			Đoàn ủy	Tên an thành Hải	5 năm	15.6.88	1.6.88	7C ₄	1246	X	GR. 2.7.1980 2 em
219	LƯU. ĐÌNH. QUÍ	1927 Cam Lộ	47/104304	Thiếu tá	Đoàn pháo	Đ. C. B tạo thế đặc biệt	1 năm 1 thg	1	1.6.88	7B ₁	1027		GR. QĐ 2300 Hàm tử 11.6.1988
220	NGUYỄN TRỌNG. QUÍ	10.9.1950	70/141355	Thiếu ủy	Đoàn C.K Pháo	Kh. Mỹrup m. Giang	5 năm 3 thg	15.1.88	28.5.88	1B ₃	1806		VĐ + 1 em + 1 em KT 2.9.1980
221	TRƯỜNG. ĐÌNH. QUY	1931 Hà Nội	51/300586	Thiếu tá		Cấp cứu 40 cổng bệnh	1 năm	29.1.88	1.6.88	7A ₂	1105	X	IV. 27555 Lôi 380 QĐ/UB/Q.10/ GR. 212 ĐQH 2858
222	NGUYỄN THANH. QUÂN	1.3.1939	33582	Thiếu ủy CS	ĐDT/KS	T.T/H/L Rạch dừa	6 năm 6 thg	6.2.88	19.5.88	2F ₃	963		GR. 630 IV. 5356 VIEWL 00255-2
223	ĐUẬN. HOÀNG. QUY	1944	64/171143	Trung ủy		Tên khu an ninh	16 thg	17.1.88	14.5.88	1F ₁₀	179		2 em + V
224	TRẦN. VĂN. RÍ	1948 Tân Ninh	69/142489	Đại ủy	T.Đ. Trường	Tên chủ Tân Ninh	12 năm 6 thg	29.1.88	1.6.88	7G ₁	1412	X	GR. 283 Nam Hà V + 1 cháu V
225	HUỖ. VĂN. RÍ	1944	124676	T. S _I	nhân viên	giang trên 4e	15 ngày	16.2.88	13.6.88	8C ₁	1586	X	V + 1 em
226	ĐUẬN. ĐÌNH	10.3.1958	78/501626	B.II	Đoàn ủy	S.Đ. 9. B.B	15 ngày	12.3.88	19.5.88	2H ₅	1034		
227	NGUYỄN. VĂN. RƯỢT	1934 Đội chủ	CS	Trung sĩ I	Tổ trưởng mưu tướ	G.K. tên kiết giang	2 năm	16.6.88	17.6.88	8G ₆	1820	X	V
228	VŨ. VĂN. SỬ	12.2.1950 Đoàn thép	70/149063	SVSQ T.TD	Đội pháo	Ty điều địa biên địa	38 ngày	21.1.88	14.5.88	1K ₈	536	X	115/P.N
229	TÔ. VĂN. SỬ	1937 Mỹ Tho	57/181003	Trung ủy		Ban liên lạc T.TKT/QĐ/HH Đ T.TAI	2 năm 6 thg	25.1.88	1.6.88	7G ₄	1303	X	

230	BUI. SÚY	1949 Ninh Bình	69/ 152168	Trung thứ	Hà. S. G T. L	T.Đ.T. T/SĐ nhảy dù	3 ngày	22.1.88	1.6.88	TH ₃	1307	X	
231	ĐẶNG VĂN. SƯNG	18.7. 1957	72/ 124449	Hà Sĩ I	nhân viên	B.C. H/LĐA nhảy dù	17 ngày	2.7.88	19.5.88	2A ₁	640		
232	NGUYỄN. TÂN. SĨ	1952 Long An	72/ 603051	Hà Sĩ		KĐVC/TSU SĐ:SKA	3 ngày	23.1.88	1.6.88	TJ ₈	1508	X	V + 2 con.
233	NGUYỄN. THỊ. SỸ	1944 Thanh Hóa			nhân viên điều độ	Ty: YTE gia đình		22.1.88	1.6.88	TH ₄	1320	X	6 con.
234	BUI. VĂN. SINH	1948 Phước Ninh	XĐNT	ĐV	ĐV	TĐXĐNT gia đình	7 ngày	21.2.88	16.4.88	8E ₁₁	1841	^	1 con
235	TRẦN. VĂN. SINH	24.12. 1947 Huế	67/ 805249	Trung ủy	SQ/CTCT	TĐ: 2 TĐ: 52 S: 7 BB	4 ngày	15.4.88	17.6.88	8H7	1019	X	
236	ĐẶNG CÔNG. SINH	4.1. 1938	58/ 202032	Đại ủy	TK/Đ3/TKTT	B8 CH/CK/ ET	2 năm 1 thg	28.1.88	19.5.88	2C ₂	723	X	2 con.
237	NGUYỄN. KIM. SÁNH	1945 Phước Ninh	65/ 134817	Đại ủy	HLV chuyên thuật VBĐL	Thiếu võ sĩ Đoàn Lữ	7 năm 2 thg	10.1.88	14.5.88	1H ₈	491		
238	NGUYỄN. VĂN. SÂM	15.11. 1946 Đỗ Tře	66/ 700744	Trung thứ	văn chuyên	quảng đoàn 26 XD/KBC 3305	15 ngày	16.2.88	13.6.88	8D ₄	1745	X	2 con.
239	TRẦN. SÁU	22.1. 1948 Bà Xuyên	004133	Cấp bộ TC II	Xử đoàn trước KTTTBĐPT	Xã Hòa Bình Vườn Hồ Bạc Liêu	6 năm	16.1.88	14.5.88	1J7	337		V + 4 con
240	TRẦN. THANH. SƠN	1946 Rạch Giá	46M/ 01338		UQV	KGG 031 TK kinh doanh	45 ngày	20.1.88	14.5.88	1A ₄	73	X	V + 5 con + 1 cháu
241	NGUYỄN. HỮU. SƠN	24.11. 1957 Đà Nẵng	74/ 167228	Binh II KSSVSA	nhân viên trưởng sở	Đầu tác lý T.U. tỉnh Bắc	3 năm	16.1.88	14.5.88	1D ₁₁	186	X	
242	TRẦN. VĂN. TỬ	1952 Ninh Bình	74/ 506445	Hà Sĩ amun		TT4 TMNN/ KHO	Thống cố tạo	23.1.88	14.5.88	1A ₅		X	M + 3 con
243	ĐỖ. VĂN. TỬ	10.5. 1925 Hà Nam Ninh	45/ 301271	Trung thứ I	Hà Sĩ quan văn phòng KCTCT	Đường núi núi QĐVUGH	3 ngày	13.1.88	14.5.88	1J ₁₁	500	X	con qđt 3950
244	VŨ. VĂN. TỬ	1952 Hà Nam	72/ 700219	Hà Sĩ	Cố thủ H.Q	Cố thủ YTTK Đoàn	3 ngày	16.6.88	17.6.88	8H ₈	1938	X	
245	NGÔ. VĂN. TỎ	13.6. 1956 Sài Gòn	76/ 128102	Binh I	chính bình	T.Đ. 1A Đ.Đ. 168 T.Đ. 10	26 ngày	19.1.88	14.5.88	1K10	529	X	
246	HUYỀN. TỬ TỎ	1952	72/ 147178	H.S	LĐ/công nhân Kính Taz		1	19.1.88	1.6.88	7D ₂	1273	X	

247	NGUYỄN VĂN TẠ	1949	69/140807	Thung lũy	SQ 2101 ĐP/ĐP cũ	1101 cũ Lũy Lũy	6 năm	25.1.88	1.6.88	7A ₈	1174	X	Vinh Phú B&C Việt
248	HUYỀN VĂN TỰ	1953 Huế	73/606373	SV SA	Đhi công	ĐVQT/ BTL chống quân	22 năm	24.7.88	1.9.88	7K ₃		X	
249	ĐẠM HƯNG TỰ	1957 Gia Định	57/578527	ĐP	ĐD1: TB 418 ĐPA		7 năm	28.9.88	12.4.88	8B ₂	1674	X	Vô + 1002
250	TÔN HỮU THỦY TỰ	1950 Thanh Hóa			Apparator	Kentron Hawaii Lữ Đoàn Hải		21.4.88	17.6.88	8G ₃	1860	X	
251	ĐẠM QUỐC TỰ	22.9.53	73/160236	chủ lũy	TĐ. Đ. Tru	TĐ 327 ĐPA TK: HG	3 năm	31.1.88	25.5.88	1M ₅	502		IV 977527
252	NGO VĂN TÀI	1949 Bạc Liêu	200736	Thung q. I	Thung đê ĐHS CSBC	CSBC chống miền	6 năm	17.1.88	14.5.88	1A ₄	73	X	
253	HÀ TÔI	1946 Thái Bình	66/153704	Thung lũy	SQ/ Xiem ĐP ĐP ĐP	Lữ Đoàn 55 ĐP Cm Rm	3 năm	2.4.88	19.5.88	1C ₃	150	X	ĐKT 721 AG 4/16 1cm + 1cm
254	CAO ĐÌNH TẠO	1.1.1951 Nam Định	71/212725	chủ lũy	Thung ĐP Tru	Thống trị TK chức đê	3 năm	13.1.88	14.5.88	1H ₁₁	493	X	cm
255	LƯƠNG NGỌC TỐT	20.7.53				giáo viên	45 năm	15.1.88	25.5.88	1D ₅	185	X	1cm
256	NGUYỄN KIM TOÀN	1947	ĐP 124023	Thung lũy	ĐHLC đê hệt	ĐCH/ CSQG công chức	8 năm 6 th	23.1.88	1.6.88	7B ₂	1175	X	
257	NGUYỄN THỊ - KIM TOÀN	1949 Hải Dương			giáo viên	Sở học sinh ĐP ĐP	5 năm	23.1.88	1.6.88	7H ₇	1495	X	cm.
258	HUYỀN VĂN TÙNG	1943 An Giang	Cm 58	ĐTNT	ĐHS loan	Tân Đoàn CBĐTNT	1 th	15.1.88	25.5.88	1C ₁₀			1cm KBC 6265
259	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	1942 Hà Nội	62/750181	ĐP lũy	Thung Thung	BTL/ V3 Được Hải	3 năm	2.4.88	19.5.88	1C ₃	9		cm
260	TRẦN DINH TUẤN	5.4.1952 Sài Gòn	74/603010	ĐP II	CV nhà chức mĩ Lam	BCH/ KT/TV	3 năm	12.1.88	14.5.88	1J ₇	564		cm.
261	ĐẠM MẠNH TUẤN	1955 Định Yên	75/128501	ĐP I	Nhạc viên Clarinet	Ban quân nhạc Thống BB Tru đê	7 năm	21.1.88	1.6.88	7A ₃	1059	X	Vô + 1007.
262	VŨ BÌNH TUẤT	15.5.1946	66/100690	ĐP lũy	HLV	Thống TG	7 năm	2.4.88	19.5.88	2B ₈	629		1cm
263	NGUYỄN VĂN TÂN	22.5.55 Vĩnh Phú	75/606968	H. Sĩ	TK quân TĐ VU	BB T. L KQ	3 năm	17.1.88	25.5.88	1E ₉	205		

264	TRẦN. HUỠNH. TẤN	8.10.1945 cũu lạo	65/526285	Đại úy	TĐ Phó	TĐ2/TVD 82 SB 21B 8	Tham 1 thố	9.6.88	3.7.88	8K ₃	2052	x	2 em 2 con
265	NGUYỄN. VĂN. TIẾN	18.10.1941 Báo Liêu	159437	TSI CSĐB	Đầu tư nhân viên	BCH/CSQG quân 5	5 năm 7 thố	27.1.88	28.5.88	1G ₄	320	x	GRT 31/GB 25.7.80.
266	ĐOÀN. KIM. TIẾN	1956	76/117481	Hạ sĩ	ý tư	BCH/TĐAY SB/TQLC	2 năm	23.1.88	1.6.88	7A ₃	1158	x	em + em
267	ĐỖ. MẠNH. TIẾN	28.6.1956 Sài Gòn	76/132862	Trung sĩ	TĐT	ĐĐ2/TĐ436 SB 7 BB	3 ngày	10.6.88	17.6.88	8G ₄	1822	x	1 vợ + 2 con 2 em
268	ĐỖ. TRUNG TIẾN	3.9.1955 Sài Gòn	75/133386	Trung sĩ	HSQ tư x.	TĐ1C/HQTĐ 102 PBCOKC A282	3 thố	9.6.88	3.7.88	8K ₄	1988	x	1 em trai
269	PHẠM. TIẾN	1948 Hà Nội	65/601506	Trung sĩ I	Thống đốc viện	TSNQB/SĐT Đông quân	5 năm 31 ngày	25.1.88	1.6.88	7B ₃	1140	x	
270	NGUYỄN. VĂN. TẤN	1.1.1946 Gia Định			chuyên viên điều trị CTVPT	chuyên viên vũ trụ tổng cục	Angay	21.1.88	28.5.88	1M ₃	660		
271	PHẠM. VĂN. TUYẾT	26.5.1952	74/401729	H.SI	ý tư	QV Đội K	2 năm 5 thố		10.5.88	2G ₆	666		
272	NGÔ. VĂN. THI	4.2.1946 Đà Nẵng	66/200664	Trung tư	Phó trưởng phòng 2	Tiểu khu Định Định	12 năm 4 thố	25.1.88	14.5.88	1A ₂	72		GRT 10.9.88 VIEW # 4447A N. 123788
273	NGÔ. TIẾN. THÁNH	1955 Sài Gòn	75/135495	H.SI		KBC 6826	7 thố	20.1.88	14.5.88	1A ₇			1 vợ + 1 con
274	PHẠM. ĐỨC. THÁNH	19.5.1946 Hà Nam Ninh	68C 112572	TSTCSĐC	Trung đội phó	B.Đ 5/CSĐC	10 ngày	27.1.88	28.5.88	1G ₄	327		GRT: 003943 10.7.75
275	LƯƠNG. NGỌC. THÁNH	6.11.1944 Lạng Sơn	44/176808	Đại úy	TĐ. Phó	Tiểu đoàn 456/ BPA KBC 4250	6 năm 6 thố	9.6.88	3.7.88	8F ₄	1996	x	
276	LỘC. VĂN. THÁNH	1.9.1950 Sài Gòn	72/701268	H. B	Nhân viên	Đại quân CX	3 ngày	16.4.88	13.6.88	8B ₃	1568	x	
277	NGUYỄN. VĂN. THÁNH	1937 Hà Nội	57A/405145	Trung ủy	Nhân viên trên máy bay Đà Lạt	thành phố Đà Lạt	10 năm 5 thố	21.1.88	1.6.88	7A ₈	1138		- 191 HATAY 244. MjH IV: 46462 W: 2438 2 em
278	ĐỖ. KIM. THÁNH	1937 Độc Việt	57A/198709	Trung sĩ I	Kế toán trưởng	TTA Tuyên bố nhập ngũ	4 năm	25.3.88	4.6.88	7J ₆	1672	x	2 em
279	LÊ. THÁNH	28.6.1934 Quảng Nam	64/104022	B.I		TĐ: 5 SB: 2 BB	1 năm 2 thố	2.2.88	10.5.88	1D ₁	160	x	1 em
280	LÊ. PHẠ. THÁNH	1945 Kiên Giang	45/557225	H.SI	Đầu tư QS	TĐ 474 CK hàng hóa	5 thố	13.2.88	17.3.88	8C ₇	1745	x	1 vợ + 3 con